TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EAKAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/12/2024.
"V/v tranh chấp về hôn nhân gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Minh Ngọc.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Hằng.
2. Ông Lê Khắc Dũng

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Hồ Quốc Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa*:

Ông Cao Văn Tiến - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 424/2024/HNGĐ-ST, ngày 22 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp về hôn nhân gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐST – HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/QĐST – HNGĐ ngày 29/11/2024. Giữa các đương sự:

*1. **Nguyên đơn***: Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Thôn I, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

*2. **Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị H. Sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn I, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án nguyên đơn ông Hoàng Văn Đ trình bày:

Vào năm 1990 tôi và bà Nguyễn Thị H có về chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện có làm đám cưới theo phong tục truyền thống, tại thời điểm này do hai vợ chồng không am hiểu pháp luật nên không đăng ký kết hôn, do chung sống lâu với nhau và nghĩ việc đi đăng ký không còn cần thiết, nên từ đó tới nay vợ chồng không đi làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi về chung sống với nhau vợ chồng chúng tôi sống hạnh phúc, những năm gần đây cuộc sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn không thể hòa hợp được, nguyên nhân mâu thuẫn là do tình cảm vợ chồng dành cho nhau là không còn, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đỉnh điểm là vào tối ngày 16/10/2023 nên dẫn tới hai vợ chồng chúng tôi sống ly thân từ đó đến nay, nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, Nên tôi là đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ là vợ chồng đối với bà Nguyễn Thị H. Quá trình làm việc chúng tôi đã được Tòa án tiến hành công tác hòa giải động viên vợ chồng về đoàn tụ và đi đăng

ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không thành. Nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chúng tôi theo quy định của pháp luật.
Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chúng tôi có 02 con chung.

1. Cháu tên: Hoàng Văn P, sinh ngày 02/01/1992.
2. Cháu tên: Hoàng Quốc H1, sinh ngày 24/07/1995.

Nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Qua phần trình bày của vợ tôi về nguyên nhân mâu thuẫn như trên là đúng. Hai vợ chồng có về chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện vào năm 1990, do không am hiểu pháp luật nên vợ chồng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng chúng tôi sống hạnh phúc. Những năm gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, thường xuyên cãi vã, đỉnh điểm vào tối ngày 16/10/2023 dẫn đến hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống thì không mang lại hạnh phúc cho nhau. Chúng tôi đã được Tòa án tiến hành hòa giải, động viên về đoàn tụ và đi đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng không được. Chúng tôi đã suy nghĩ rất kỹ về việc này. Nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ là vợ chồng với ông Hoàng Văn Đ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chúng tôi có 02 con chung.

1. Cháu tên: Hoàng Văn P, sinh ngày 02/01/1992.
2. Cháu tên: Hoàng Quốc H1, sinh ngày 24/07/1995.

Nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành triệu tập các đương sự để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải thành được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý, đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tống đạt giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, thời hạn giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định theo Điều 179, Điều 195; Điều 196; Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 8, 9, 14, 15, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hoàng Văn Đ và bà Nguyễn Thị H.

Về tài con chung: Ông Đ và bà H có 02 con chung:

1. Cháu tên: Hoàng Văn P, sinh ngày 02/01/1992.
2. Cháu tên: Hoàng Quốc H1, sinh ngày 24/07/1995.

Hiện các con chung đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

Về án phí các bên đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Hoàng Văn Đ có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn bà Nguyễn Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn I, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn Đ và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau từ năm 1990 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông Đ và bà H đã vi phạm Điều 9 luật Hôn nhân gia đình. Đây là hôn nhân không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu của ông Hoàng Văn Đ và bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng là phù hợp vì trong quá trình chung sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày trầm trọng hơn, không thể hàn gắn được, hai vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 16/10/2023 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Tòa án tiến hành hòa giải để hai vợ chồng về tiếp tục chung sống và đăng ký kết hôn theo quy định nhưng không thành. Xét thấy giữa ông Đ và bà H không còn tình cảm, việc ông Đ đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bà H là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống ông Đ và bà H có 02 con chung.

1. Cháu tên: Hoàng Văn P, sinh ngày 02/01/1992.
2. Cháu tên: Hoàng Quốc H1, sinh ngày 24/07/1995.

Nay các con chung đều đã trưởng thành, nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự nguyện thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn ông Hoàng Văn Đ phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 9, 14, 15, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình, điểm a Khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hoàng Văn Đ

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hoàng Văn Đ và bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Các con chung gồm Hoàng Văn P, sinh ngày 02/01/1992 và Hoàng Quốc H1, sinh ngày 24/07/1995 đều đã trưởng thành nên Tòa án không đề cập đến để xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Hoàng Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số số AA/2023/0000749 ngày 18 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Minh Ngọc